TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM Đ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày 03 - 03 - 2023
V/v ly hôn giữa chị H và anh Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Tiến

Ông Nguyễn Thế Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 245/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Thị H, sinh năm 1984 (vắng mặt);

ĐKHKTT: Xóm 12, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Đ.

Địa chỉ: Xóm T (đội 8, thôn Đ cũ), xã N, huyện N, tỉnh Nam Đ

- Bị đơn: Anh Tô Văn Đ, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm 12, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 12 năm 2022, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Lâm Thị H trình bày: Chị và anh Tô Văn Đ tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn ngày 11/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, hay cãi chửi xúc phạm nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Từ tháng 10/2021 vợ chồng chị đã sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác Đ tình cảm vợ chồng đã đổ vỡ, không thể hàn gắn đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tô Văn Đ.

Về con chung: Giữa chị và anh Đ có 02 con chung là cháu Tô Minh T, sinh ngày 12/10/2003 và cháu Tô Minh M, sinh ngày 21/4/2006. Hiện nay cháu T đã đủ tuổi trưởng thành, lao động tự lập được nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết. Còn cháu M đang ở với chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng vì hiện nay chị đang làm tự do thu nhập hằng tháng 10 triệu đồng đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31/01/2023 bị đơn anh Tô Văn Đ trình bày: Anh và chị Lâm Thị H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Đ vào ngày 11 tháng 11 năm 2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân do anh uống rượu về không kìm chế được bản thân dẫn đến vợ chồng cãi vã, anh có đánh chửi và đuổi chị H đi, từ cuối năm 2021 chị H vào miền nam làm ăn từ đó vợ chồng anh sống ly thân. Anh nhận thấy bản thân là người có lỗi, anh vẫn còn tình cảm với chị H, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dậy con chung nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung tên tuổi của các con đúng như chị H trình bày. Hiện nay cháu Tô Minh T đã trưởng thành, lao động tự lập được nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Tô Minh M đang ở với chị H. Nếu phải ly hôn anh đồng ý với nguyện vọng của chị H, giao chị H tiếp tục nuôi cháu M, anh không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H và có quyền thăm mon con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Anh Đ không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Đ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đều đã thực hiện đúng theo đúng quy Đ của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho ly hôn giữa chị Lâm Thị H và anh Tô Văn Đ

- Về con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao con chung là cháu Tô Minh M, sinh ngày 21/4/2006 cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị H, anh Đ không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí DSST: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về án phí và lệ phí Toà án: Chị Lâm Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

NHẬN Đ CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lâm Thị H và anh Tô Văn Đ đều có đơn xin giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy Đ tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị H và anh Tô Văn Đ tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Đ vào ngày 11/11/2002 nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường cãi chửi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, từ cuối năm 2021 anh chị đã sống ly thân. Nay chị H xác Đ tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh Đ được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn. Anh Đ nhận thấy nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh, mong chị H tha thứ để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dậy con chung nên anh không đồng ý ly hôn nhưng chị H không nghe.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị H và anh Đ không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Tô Văn Đ của chị Lâm Thị H là phù hợp với quy Đ tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung là cháu Tô Minh T, sinh ngày 12/10/2003 và cháu Tô Minh M, sinh ngày 21/4/2006.

Hiện nay cháu T đã đủ tuổi trưởng thành, lao động tự lập được các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

Đối với cháu M hiện đang ở với chị H, khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, ý kiến của đương sự và nguyện vọng của con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu M, hằng tháng chị có thu nhập ổn Đ nên không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng, cháu M cũng có ý kiến khi bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ, anh Đ nhất trí với ý kiến của chị H. Xét nguyện vọng và đề nghị của các đương sự không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy Đ tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Khi vợ chồng ly hôn tiếp tục giao cháu Tô Minh M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lâm Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy Đ của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT Đ:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lâm Thị H và anh Tô Văn Đ

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao con chung là cháu Tô Minh M, sinh ngày 21/4/2006 cho chị Lâm Thị H tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Tô Văn Đ không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H; anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lâm Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai số 0004846, ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Đ

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Đ;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Đ, huyện N;
- Lưu HS.